

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Tên chương trình : **Chương trình đào tạo Kỹ thuật xét nghiệm y học**
Trình độ đào tạo : **Đại học hệ chính quy**
Ngành đào tạo : **Kỹ thuật xét nghiệm y học**
Mã số : **7720601**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học nhằm đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động xét nghiệm y học tại các cơ sở y tế và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực y tế.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

Kiến thức toàn khóa học: **139** tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Kiến thức giáo dục đại cương	45
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	94
- Kiến thức cơ sở ngành	22
- Kiến thức ngành và chuyên ngành	64
- Kiến thức chuyên ngành tự chọn	4
- Thực tập, khóa luận, tiểu luận tốt nghiệp	4
Tổng	139

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1 Kiến thức giáo dục đại cương:

TT	TÊN MÔN HỌC/HỌC PHẦN	TỔNG SỐ TC	PHÂN BỐ TC		THỂ LOẠI
			LT	TH	
1	Triết học Mác - Lenin	3	3		BB
2	Kinh tế Chính trị Mác - Lenin	2	2		BB
3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	2		BB
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		BB
5	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	2		BB
6	Pháp luật đại cương	2	2		BB
7	Anh văn căn bản 1	3	3		BB
8	Anh văn căn bản 2	3	3		BB
9	Anh văn căn bản 3	3	3		BB
10	Anh văn căn bản 4	3	3		BB
11	Anh văn căn bản 5	3	3		BB
12	Anh văn chuyên ngành 1 (Xét nghiệm)	3	3		BB
13	Anh văn chuyên ngành 2 (Xét nghiệm)	3	3		BB
14	Tin học căn bản	2	1	1	BB
16	Hóa học đại cương	3	2	1	BB
17	Xác suất-thống kê y học	2	2	0	BB
18	Giáo dục thể chất 1	1	0	1	BB
19	Giáo dục thể chất 2	1	0	1	BB
20	Giáo dục thể chất 3	1	0	1	BB
21	Chuyển đổi số	1	1	0	BB
22	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo - AI	2	1	1	BB
23	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	1	1	0	BB
24	Giáo dục thể chất*	3		3	ĐK
25	Giáo dục quốc phòng – An ninh*	8	5	3	ĐK
	Tổng *	45*	42	3	

* Không bao gồm nội dung giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh

4.2. Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		94	51	35	Thể loại
Cơ sở ngành		22	17	5	BB
1	Giải phẫu	3	2	1	BB
2	Sinh lý	3	2	1	BB
3	Sinh lý bệnh - Miễn dịch học	2	2	0	BB
4	Sinh học và di truyền	3	2	1	BB
5	Dược lý	2	2	0	BB
6	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	2	1	1	BB

7	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	2	2	0	BB
8	Mô phôi	3	2	1	BB
9	Bệnh học Nội khoa	1	1	0	BB
10	Bệnh học Ngoại khoa	1	1	0	BB
Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		64	34	30	
1	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	2	1	1	BB
2	An toàn sinh học	2	2	0	BB
3	Huyết học cơ sở	3	2	1	BB
4	Huyết học lâm sàng	3	2	1	BB
5	Huyết học đông máu- truyền máu	4	2	2	BB
6	Hoá sinh đại cương	3	2	1	BB
7	Hóa sinh chuyển hóa và kỹ thuật xét nghiệm	3	2	1	BB
8	Hoá sinh lâm sàng	4	2	2	BB
9	Đại cương Vi sinh vật y học	3	2	1	BB
10	Vi khuẩn học	3	2	1	BB
11	Virus học và vi sinh lâm sàng	3	2	1	BB
12	Giun và sán	3	2	1	BB
13	Đơn bào và Nấm	3	2	1	BB
14	Ký sinh trùng sốt rét và côn trùng	3	2	1	BB
15	Tế bào học và kỹ thuật xét nghiệm tế bào	2	1	1	BB
16	Tế bào học các cơ quan	2	1	1	BB
17	Y sinh học phân tử	2	2	1	BB
18	Quản lý chất lượng phòng xét nghiệm	2	2	0	BB
19	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	2	0	BB
20	Thực tập KTXN 1: Hóa sinh	3	0	3	BB
21	Thực tập KTXN 2: Huyết học	3	0	3	BB
21	Thực tập KTXN 3: Vi sinh - Ký sinh trùng	3	0	3	BB
22	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	BB
23	Kiến thức ngành tự chọn	4	3	1	BB
24	Xét nghiệm miễn dịch	4	3	1	TC
25	Xét nghiệm tế bào nâng cao	2	2	0	TC
26	Xét nghiệm tế bào nâng cao – Thực hành	2	0	2	TC
	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	4	2	2	
1	Lý thuyết tốt nghiệp	2	2	0	BB
2	Thực hành tốt nghiệp	2	0	2	BB

Hiệu trưởng

Khoa